TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/DS-ST
Ngày 16- 5- 2025
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Gia Khải
2. Ông Đinh Thế Cần

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: ông Vũ Minh Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* bà Vũ Quỳnh Lam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc: tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-DS ngày 25/3/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 08A/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N1 (A); địa chỉ: số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V- Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thị Ngọc T- Giám đốc Ngân hàng N1- Chi nhánh huyện Q

Người được ủy quyền lại: ông Lương Xuân T1- Phó Giám đốc Ngân hàng N1- Chi nhánh huyện Quỳnh Phụ Bắc Thái Bình

2. Bị đơn**:** ông Nguyễn Hoài N, sinh năm 1963 và bà Vũ Thị T2, sinh năm 1967; đều ở địa chỉ: tổ B (nay là tổ A), thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Ông T1, bà T2 có mặt tại phiên tòa. Ông N vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/12/2019 Ngân hàng N1- Chi nhánh huyện Q có ký Hợp đồng tín dụng số 3406-LAV-201906994 cho vợ chồng ông Nguyễn Hoài N, bà Vũ Thị T2 vay số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); Mục đích vay: Bổ sung chi phí sản xuất kinh doanh đời sống hộ gia đình; Thời gian vay 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Lãi suất cho vay trong hạn là 11%/năm; Lãi suất chậm trả là 10%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 28/5/2019 Ngân hàng và ông N, bà T2 đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 35/2019/HĐTC. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 4, có diện tích 381m^2; địa chỉ thửa đất: tổ B (nay là tổ A) thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC121688; số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00881 do Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình cấp ngày 16/3/2016 mang tên người sử dụng đất là ông Nguyễn Hoài N và bà Vũ Thị T2. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông N, bà T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng nên toàn bộ khoản vay trên bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 14/5/2022. Tính đến ngày 16/5/2025 ông N và bà T2 còn nợ Ngân hàng số tiền là 416.703.196 đồng (Bốn trăm mười sáu triệu, bẩy trăm linh ba nghìn, một trăm chín mươi sáu đồng); trong đó: nợ gốc là 290.200.000 đồng; lãi trong hạn là 106.190.663 đồng; lãi quá hạn là 20.312.533 đồng. Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Hoài N và bà Vũ Thị T2 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng N1- Chi nhánh huyện Q toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi tính đến ngày 16/5/2025 là 416.703.196 đồng (Bốn trăm mười sáu triệu, bẩy trăm linh ba nghìn, một trăm chín mươi sáu đồng).

- Kể từ ngày 17/5/2025, ông Nguyễn Hoài N và bà Vũ Thị T2 còn tiếp tục phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Trường hợp ông Nguyễn Hoài N và bà Vũ Thị T2 không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ dư nợ nêu trên, thì Ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 35/2019/HĐTC ngày 28/05/2019.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm nêu trên được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Hoài N và bà Vũ Thị T2 đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Hoài N và bà Vũ Thị T2 có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn là bà Vũ Thị T2 trong biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa đã trình bày: Ngày 18/12/2019 bà và chồng bà là ông Nguyễn Hoài N đã ký Hợp đồng tín dụng số 3406LAV201906994 với Ngân hàng N1- Chi nhánh huyện Q để vay số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Vợ chồng bà đã dùng tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 4, diện tích 381m^2; địa chỉ thửa đất: tổ B (nay là tổ A), thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, mang tên người sử dụng là vợ chồng bà. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đến nay bà chưa có tiền thanh toán trả Ngân hàng, bà xin trả nợ dần tiền cho Ngân hàng.

Bị đơn là ông Nguyễn Hoài N vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến, yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là bà T2 tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông N không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 119, 293, 294, 295, 299, 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466, 648 và 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông N, bà T2 phải trả cho Ngân hàng N1- Chi nhánh huyện Q toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp ông N, bà T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng N1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông N, bà T2 theo Hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ theo qui định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng và án phí: Bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là ông N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[2] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Các đương sự tranh chấp việc thực hiện hợp đồng tín dụng nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Q, tỉnh Thái Bình nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

[3] Về nội dung:

[3.1] Ngày 18/12/2019 Ngân hàng N1- Chi nhánh huyện Q có ký Hợp đồng tín dụng số 3406-LAV-201906994 cho vợ chồng ông Nguyễn Hoài N, bà Vũ Thị T2 vay số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); Hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 Bộ luật Dân sự và Điều 91 Luật tổ chức tín dụng. Nay đã quá hạn trả nợ gốc và lãi nhưng ông N, bà T2 không thực hiện trả nợ theo hợp đồng là vi phạm các điều khoản trong hợp đồng tín dụng đã ký. Như vậy, ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N, bà T2 trả nợ tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 16/5/2025 tổng cộng là 416.703.196 đồng (trong đó: nợ gốc là 290.200.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 106.190.663 đồng; nợ lãi quá hạn là 20.312.533 đồng) là có cơ sở, cần chấp nhận.

[3.2] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 35/2019/HĐTC ngày 28/5/2019, thấy: Hợp đồng thế chấp đã được giao kết theo đúng quy định của pháp luật tại các Điều 292, 293, 298, 317, 318, 319 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo hợp đồng thế chấp ông N, bà T2 dùng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 4, có diện tích: 381m^2; địa chỉ thửa đất: tổ B (nay là tổ A), thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC121688; sổ cấp giấy chứng nhận số CH00881 do Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình cấp ngày 16/3/2016 mang tên người sử dụng đất là

ông Nguyễn Hoài N và bà Vũ Thị T2). Tài sản thế chấp đã được Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, cần xác định tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho ngân hàng theo hợp đồng thế chấp trên.

[4] Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản theo quy định của pháp luật. Do nguyên đơn đã nộp số tiền 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản nên bị đơn phải thanh toán trả nguyên đơn số tiền này.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố Tụng dân sự; các Điều 116, 117, 463, 466, 317, 319, 320, 323, 293, 298, 299 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1.

2. Buộc ông Nguyễn Hoài N và bà Vũ Thị T2 phải trả Ngân hàng N1- Chi nhánh huyện Q toàn bộ số tiền nợ tính đến hết ngày 16/5/2025 là 416.703.196 đồng (Bốn trăm mười sáu triệu, bảy trăm linh ba nghìn, một trăm chín mươi sáu đồng); trong đó: nợ gốc 290.200.000 đồng; lãi trong hạn 106.190.663 đồng; lãi quá hạn 20.312.533 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 3406-LAV-201906994 ngày 18/12/2019.

Kể từ ngày 17/5/2025, ông Nguyễn Hoài N và bà Vũ Thị T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh cho đến ngày thực trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quá hạn trên số tiền nợ gốc được quy định tại Hợp đồng tín dụng số 3406-LAV-201906994.

3. Trường hợp ông Nguyễn Hoài N và bà Vũ Thị T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng N1 thông qua Ngân hàng N1- Chi nhánh huyện Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Nguyễn

Hoài N và bà Vũ Thị T2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 35/2019/HĐTC ngày 28/5/2019 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 4, diện tích 381m^2; địa chỉ thửa đất: tổ B (nay là tổ A), thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC121688; số vào sổ cấp giấy chứng nhận số Ch00881 do UBNH huyện Quỳnh Phụ cấp ngày 16/03/2016 mang tên người sử dụng đất là ông Nguyễn Hoài N và bà Vũ Thị T2). Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Hoài N và bà Vũ Thị T2 có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

4. Về thanh toán chi phí tố tụng: ông Nguyễn Hoài N và bà Vũ Thị T2 phải thanh toán trả cho Ngân hàng N1- Chi nhánh huyện Q số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản là 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng).

5. Về án phí:

- Ngân hàng N1 không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ngân hàng số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004950 ngày 27/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Ông Nguyễn Hoài N và bà Vũ Thị T2 phải nộp 20.668.000 đồng (Hai mươi triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn là bà T2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là ông N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7; 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- Lưu: HS-HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thế Hùng